Court of Washington Tòa Tiểu Bang Washington **For** **Cho**	**Sexual Assault Protection Order** **Lệnh Bảo Vệ Đối Với Tình Trạng Hành Hung Tình Dục** **No.** **Số.**
_____ _____ Petitioner (Protected Person) **DOB** Đương Đơn (Người Được Bảo Vệ) **DOB** vs. với _____ _____ Respondent (Restrained Person) **DOB** Bị Đơn (Người Bị Ngăn Cấm) **DOB**	**Court Address** _____ **Địa chỉ của Tòa Án** _____ _____ **Telephone Number**: **( )** _____ **Số Điện Thoại**: **( )** _____ (ORSXP) (JIS Order Code: SXP) (ORSXP) (Mã đặt hàng JIS: SXP) Clerk's Action Required Lục Sự Cần Hành Sự [ ] Court Administrator's Action Required [ ] Phối Trí Viên Tòa Án Cần Hành Sự

Respondent's Distinguishing Features:
Những Nét Dễ Nhận của Bị Đơn:

_____

_____

Caution:
Cẩn thận:

Access to weapons: [ ] **yes** [ ] **no** [ ] **unknown**
Tiếp cận với vũ khí: [ ] **có**[ ] **không** [ ] **không biết**

Respondent Identifiers
Các Yếu Tố Nhận Dạng Của Bị Đơn

Sex Giới tính	Race Chủng Tộc	Hair Màu Tóc
Height Chiều Cao	Weight Cân Nặng	Eyes Màu Mắt

The court finds:
Tòa Phán:

The court has jurisdiction over the parties and the subject matter, and Chapter 26.50 RCW does not apply. Respondent has been provided reasonable notice and an opportunity to be heard. Notice of this hearing was served on the respondent by [ ] personal service
[ ] service by mail per court order [ ] service by publication per court order. Additional findings of this order are set forth below.
Tòa án có thẩm quyền đối với những bên kiện và vấn đề kiện cáo, và Chương 26.50 RCW không áp dụng. Bị đơn đã được thông báo một cách hợp lý và đã có cơ hội để trình bày. Thông báo về phiên tòa này đã được tống đạt đến bị đơn qua [ ] dịch vụ tống đạt tận tay
[ ] dịch vụ tống đạt bằng thư tín bởi lệnh tòa [ ] dịch vụ tống đạt bằng đăng báo bởi lệnh tòar. Những quyết định bổ túc về lệnh này được quy định dưới đây.

The court orders:
Tòa ra lệnh:

This order is effective immediately and for one year from today's date, unless stated
Án lệnh này có hiệu lực ngay lập tức và có hiệu lực trong một năm kể từ ngày hôm nay ngoại trừ được ghi

otherwise here (date):
khác ở đây (ngày):

Warnings to the Respondent: **A knowing violation of this sexual assault protection order is a criminal offense under chapter 26.50 RCW and *will subject a violator to arrest*. You can be arrested even if any person protected by the order invites or allows you to violate the order's prohibitions. You have the sole responsibility to avoid or refrain from violating the order's provisions. Only the court can change the order**.
Cảnh Cáo cho Bị Đơn: **Cố ý vi phạm lệnh bảo vệ đối với tình trạng hành hung tình dục này là một tội hình sự chiếu theo chương 26.50 RCW và *người vi phạm sẽ bị bắt giữ*. Quý vị có thể bị bắt giữ cho dù người được lệnh này bảo vệ có mời mọc hoặc cho phép quý vị vi phạm những điều khoản ngăn cấm của lệnh này. Quý vị có toàn trách nhiệm phải tránh hoặc tự kiềm chế để không vi phạm những điều khoản của lệnh này. Chỉ tòa án mới có thể thay đổi lệnh này**.

The court finds:
Tòa Phán:

[ ] The [ ] respondent [ ] petitioner is under the age of 16 years of age and his or her parent(s) or guardian(s) had notice of this proceeding. _____

_____ appeared at this hearing and is a responsible and proper person and is appointed guardian ad litem for _____ solely for purposes of this proceeding.

[ ] Rằng [ ] bị đơn [ ] đương đơn là trẻ dưới 16 tuổi và (các) phụ huynh hoặc (các) người giám hộ của em đã có thông báo về vụ kiện này. _____

_____ đã có mặt trong phiên tòa này và là người có trách nhiệm và đứng đắn và được chỉ định để làm người giám hộ pháp lý cho _____ hoàn toàn cho những mục đích của vụ kiện này.

[ ] _____ is appointed attorney for

_____ solely for purposes of this proceeding.

[ ] _____ được chỉ định làm luật sư cho

_____ hoàn toàn cho những mục đích của vụ kiện này.

The court further finds by a preponderance of the evidence that the petitioner has been a victim of nonconsensual sexual conduct or nonconsensual sexual penetration by the respondent.
Tòa quyết định thêm với nhiều bằng chứng rằng đương đơn là nạn nhân của hành vi tình dục không được ưng thuận hoặc xâm nhập tình dục không được ưng thuận bởi bị đơn.

It is ordered:
Tòa ra lệnh:

[ ] 1. **No Contact:** Respondent is ***restrained*** from having any contact with Petitioner, including but not limited to telephone calls, mail, written notes, e-mail, texting, and social media (such as Facebook and Twitter), directly, indirectly, or through third parties regardless of whether those third parties know of the order.

[ ] 1. **Lệnh Cấm Liên Lạc:** Bị đơn bị ***ngăn cấm*** không được liên lạc với đương đơn, gồm cả nhưng không giới hạn là bằng điện thoại, thư tín, thư viết tay, điện thư đánh lời nhắn, thông tin xã hội (như Facebook và Twitter) trực tiếp, gián tiếp, hoặc qua những thành phần thứ ba bất luận những thành phần thứ ba đó có biết về lệnh tòa hay không.

[ ] 2. **Exclude from places:** Respondent is ***excluded*** from the following places:

[ ] 2. **Loại trừ khỏi những nơi:** Bị đơn bị ***loại ra*** khỏi những nơi như sau:

[ ] Petitioner's residence
[ ] Nơi cư ngụ của đương đơn
[ ] Petitioner's workplace
[ ] Nơi làm việc của đương đơn
[ ] Petitioner's school
[ ] Trường học của đương đơn
[ ] Petitioner's day care
[ ] Nơi chăm sóc ban ngày của đương đơn
[ ] Other:
[ ] Khác:

[ ] 3. **Stay Away:** Respondent is ***prohibited*** from knowingly coming within, or knowingly remaining within _____ (distance) of:

[ ] 3. **Cấm Không Được Tới Gần:** Bị đơn bị ***cấm chỉ*** không được cố ý đến gần, hoặc cố ý ở lại trong phạm vi _____ (khoảng cách) của:

[ ] Petitioner's residence
[ ] Nơi cư ngụ của đương đơn
[ ] Petitioner's workplace
[ ] Nơi làm việc của đương đơn
[ ] Petitioner's school
[ ] Trường học của đương đơn
[ ] Petitioner's day care
[ ] Nơi chăm sóc ban ngày của đương đơn
[ ] Other:
[ ] Khác:

[ ] 4. ***Other***:

[ ] 4. ***khác:***

[ ] 5. **School Transfer:** Respondent is ***restrained*** from attending _____ school at _____ (address) attended by Petitioner and the respondent is ***Ordered*** to transfer to a different school. Respondent or Respondent's parents or legal guardians are responsible for transportation and all other costs associated with change of school. See Appendix A which is attached and incorporated by reference.

[ ] 5. **Chuyển Trường:** Bị Đơn bị ***ngăn cấm*** không được theo học _____ trường tại _____ (địa chỉ) mà đương đơn đang theo học và ***Được Lệnh*** phải chuyển đến một trường học khác. Bị Đơn hoặc phụ huynh hay người giám hộ hợp pháp của Bị Đơn chịu trách nhiệm chuyên chở và tất cả những phí tổn khác liên quan đến việc chuyển trường. Xem Phụ Đính A, được đính kèm và kết hợp bằng cách tham chiếu.

[ ] **Prohibit Weapons and Order Surrender**
[ ] **Cấm Mang Các Vũ Khí và Lệnh Giao Nộp Vũ Khí**

The respondent must:
Bị đơn phải:

- not access, possess or obtain firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses; and
- không được mang, sở hữu hoặc nhận lấy súng tay, các vũ khí nguy hiểm khác, hoặc giấy phép mang súng lục giấu kín; và

- comply with the ***Order to Surrender and Prohibit Weapons*** filed separately.
- thi hành ***Order to Surrender and Prohibit Weapons (Lệnh Giao Nộp Vũ Khí và Mang Các Vũ Khí)*** được nộp riêng biệt.

(*Note: Also use form All Cases 02.050.*)
(*Lưu ý: Cũng sử dụng mẫu phiếu Tất Cả Các Vụ Kiện 02.050.*)

Findings – The court *(check all that apply):*
Phán quyết – Tòa *(đánh dấu vào khung thích hợp):*

[ ] **must** issue the orders referred to above because the court finds by clear and convincing evidence that the respondent:
[ ] **phải** ban lệnh tham chiếu điều khoản trên bởi vì tòa phát hiện ra bằng chứng rõ ràng và hiển nhiên rằng bị đơn đã:

[ ] has used, displayed, or threatened to use a firearm or other dangerous weapon in a felony; or
[ ] sử dụng, phô bày, hay đe dọa xử dụng súng ống hay vũ khí nguy hiểm nào khác thuộc tội đại hình; hoặc

[ ] is ineligible to possess a firearm under RCW 9.41.040.
[ ] mất quyền mang súng đạn theo điều luật RCW 9.41.040.

[ ] **may** issue the orders referred to above because the court finds by a preponderance of evidence, the respondent*:*
[ ] **có thể** ban lệnh tham chiếu điều khoản trên bởi vì tòa quyết định bởi sự ưu thế của bằng chứng, bị đơn:*:*

[ ] presents a serious and imminent threat to public health or safety, or the health or safety of any individual by possessing a firearm or other dangerous weapon; or
[ ] chứng tỏ có sự đe dọa trầm trọng và sắp sửa xẩy ra cho sức khỏe hay là sự an toàn của quần chúng, hoặc đối với sự an toàn của cá nhân bằng việc mang súng đạn hay vũ khí nguy hiểm nào khác, hoặc

[ ] has used, displayed or threatened to use a firearm or other dangerous weapon in a felony; or
[ ] sử dụng, phô bày, hay đe dọa sử dụng súng ống hay vũ khí nguy hiểm nào khác thuộc tội đại hình; hoặc

[ ] is ineligible to possess a firearm under RCW 9.41.040.
[ ] mất quyền mang súng đạn theo điều luật RCW 9.41.040.

Washington Crime Information Center (WACIC) Data Entry
Trung tâm Thông tin Tội phạm Washington (WACIC) Ngày Ghi Nhập

It is further ordered that the clerk of the court shall forward a copy of this order on or before the next judicial day to _____ [ ] County Sheriff's Office [ ] Police Department ***where Petitioner lives*** which shall enter it into WACIC.
Tòa cũng phán thêm là lục sự tòa phải chuyển một bản sao của án lệnh này vào hay trước ngày tòa làm việc kế tiếp cho _____ [ ] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng Quận [ ]Sở Cảnh Sát ***nơi Đương đơn cư ngụ*** để ghi nhập lệnh này vào hệ thống WACIC .

Service
Dịch vụ tống đạt

[ ] The clerk of the court shall also forward a copy of this order on or before the next judicial day to _____ [ ] County Sheriff's Office [ ] Police Department ***where Respondent lives*** which shall personally serve the respondent with a copy of this order and shall promptly complete and return to this court a Return of Service.
[ ] Lục sự tòa cũng phải chuyển một bản sao của án lệnh này vào hay trước ngày tòa làm việc kế tiếp cho _____ [ ]Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng Quận[ ] Sở Cảnh Sát ***Nơi Bị Đơn Cư Ngụ*** mà phải đích thân tống đạt bị đơn một bản sao của án lệnh này và phải điền và nộp ngay cho tòa án này một mẫu Hồi Đáp Tống Đạt.

[ ] The clerk of the court shall also forward a copy of this order on or before the next judicial day to _____ [ ] County Sheriff's Office
[ ] Police Department for service upon _____
(Respondent's Parent(s) or Legal Guardian(s)) at:
_____
_____ and law enforcement shall promptly complete and return to this court a Return of Service.
[ ] Lục sự tòa án cũng sẽ gửi một bản sao của lệnh này vào hoặc trước ngày kế tiếp của tòa án cho _____ [ ] Văn Phòng Cảnh Sát Trưởng Quận _____
[ ] Sở Cảnh Sát để tống đạt cho _____
(Các) Phụ Huynh hoặc (Các) Người Giám Hộ Pháp Lý của Bị Cáo tại:
_____
_____ và cơ quan công lực sẽ điền và gửi lại ngay cho tòa án này một mẫu Hồi Đáp Tống Đạt.

[ ] Respondent appeared and was served a copy of the order by the court; further service is not required.
[ ] Bị đơn đã hầu tòa và được tòa tống đạt một bản sao của lệnh này; không cần phải tống đạt thêm nữa. Bị đơn đã hầu tòa và được tòa tống đạt một bản sao của lệnh này; không cần tống đạt thêm nữa

[ ] Petitioner may serve this order by [ ] mail [ ] publication as previously ordered.
[ ] Đương đơn có thể tống đạt án lệnh này bằng [ ] thư [ ] cách đăng báo như đã được ban lệnh trước đây.

[ ] (*Only if surrender of weapons **not** ordered*) Petitioner shall make private arrangements for service of this order.
[ ] (*Chỉ khi nào **không** ra lệnh giao nộp vũ khí*) Đương đơn phải sắp xếp việc tư nhân Sự Tống Đạt này.

This order is in effect until the expiration date on page two.
Án lệnh này có hiệu lực cho tới ngày mãn hạn ghi trong trang hai.

Other: _____.
Khác: _____.

Dated*:* _____ at _____ a.m./p.m.
Ngày*:* _____ lúc_____ sáng/chiều

_____
Judge/Commissioner
Quan Tòa/Ủy Viên

I acknowledge receipt of a copy of this Order:
Tôi xác thực đã nhận một bản sao của án lệnh này:

Signature of Respondent/Lawyer WSBA No. Chữ ký của Bị Đơn/Luật Sư Số WSBA	Print Name Viết Chữ In Họ Và Tên	Date Ngày
Signature of Respondent's Guardian ad Litem, if any Chữ ký Người Giám Hộ Pháp Lý Của Bị Đơn, nếu có	Print Name Viết Chữ In Họ Và Tên	Date Ngày
Signature of Petitioner/ Lawyer WSBA No. Chữ ký của Đương Đơn/Luật Sư Số WSBA	Print Name Viết Chữ In Họ Và Tên	Date Ngày
Signature of Person Filing Petition on Behalf of Petitioner Chữ Ký của Người Nộp Đơn Thay Cho Đương Đơn	Print Name Viết Chữ In Họ Và Tên	Date Ngày

The petitioner, the petitioner's lawyer, or the person filing the petition on behalf of the petitioner must complete a Law Enforcement Information Sheet (LEIS).
Đương đơn, luật sư của đương đơn, hoặc người nộp đơn xin thay cho đương đơn phải điền Bản Thông Tin Cho Cơ Quan Công Lực (LEIS).

Petitioner: The law allows you to register for certain notifications regarding this protection order and its status. Visit www.RegisterVPO.com or call 1-877-242-4055 for more information or to sign up. If you feel that you are in danger, call 9-1-1 immediately.
Đương Đơn: Luật cho phép quý vị đăng ký nhận các thông báo nhất định liên quan đến án lệnh bảo vệ và tình trạng của án lệnh này. Truy cập www.RegisterVPO.com hoặc gọi 1-877-242-4055 để biết thêm thông tin hoặc để đăng nhập. Nếu quý vị cảm thấy đang gặp nguy hiểm, hãy gọi cho 9-1-1 ngay lập tức.